

Bản án số: 15/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 30-5-2022

V/v: Ly hôn, tranh chấp
về nuôi con và cấp dưỡng.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LAI VUNG, TỈNH ĐỒNG THÁP

Thành phần Hội đồng xét xử sơ T gồm có:

- ***T phán - Chủ tọa phiên tòa:*** Bà Ngô Thị Cẩm Hồng.
- ***Các Hội T nhân dân:*** Ông Nguyễn Phát Triển - Ông Đặng Văn Hai.
- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Nguyễn Trung Vinh là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp.

Ngày 30 tháng 5 năm 2022, tại phòng xử án của trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp; xét xử sơ T công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 13/2022/TLST-HNGĐ, ngày 18/02/2022 về việc “Hôn nhân - gia đình ly hôn, tranh chấp nuôi con và cấp dưỡng”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 12/2022/QĐXXST-HNGĐ, ngày 27 tháng 4 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 139A/2022/QĐST-HNGĐ, ngày 13 tháng 5 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Lê Thị Huyền T- sinh năm: 1985.

Địa chỉ: 44/2, ấp LĐ, xã LT, huyện LV, ĐT.

Tạm trú: 24, ấp AK, xã ĐY, huyện LV, tỉnh ĐT.

2. Bị đơn: Phạm Quang T- sinh năm: 1985.

Địa chỉ: 44/2, ấp LĐ, xã LT, huyện LV, ĐT.

Chị T có mặt, anh T vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 20/12/2021, Biên bản về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và tại phiên tòa nguyên đơn Lê Thị Huyền Ttrình bày:

Về hôn nhân: Chị Lê Thị Huyền Tvà anh Phạm Quang Tcó tìm hiểu với nhau, đến năm 2012, được gia đình 02 bên tổ chức lễ cưới, vợ chồng có đăng ký kết hôn vào ngày 18/7/2012 tại Ủy ban nhân dân xã Long Thắng, huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm, thường xuyên cự cãi với nhau, cuộc sống không hạnh phúc, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng và vợ chồng đã ly thân từ năm 2017 đến nay. Chị T nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn yêu thương

nhau, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt nên yêu cầu được ly hôn với anh Phạm Quang T.

Về con chung: Chị T và anh T có 02 con chung: Phạm Lê H Trâm A, sinh ngày: 26/07/2012 và Phạm Lê H, sinh ngày: 07/12/2014, hiện các con đang sống với chị T, chị T yêu cầu được tiếp tục nuôi các con và yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi các con, mỗi con mỗi tháng bằng $\frac{1}{2}$ tháng lương cơ sở, theo từng thời điểm cấp dưỡng, thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 6/2022 cho đến khi Phạm Lê H Trâm A và Phạm Lê H đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn Phạm Quang T đã nhận các văn bản tố tụng của Tòa án để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cũng như để tham gia phiên tòa theo giấy triệu tập của Tòa án đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do chính đáng và cũng không có văn bản trình bày ý kiến.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã được T tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Lê Thị Huyền Tyêu cầu được ly hôn với bị đơn anh Phạm Quang T, yêu cầu nuôi con, yêu cầu cấp dưỡng nuôi con, không yêu cầu giải quyết về tài sản và nợ chung. Anh T cư trú tại huyện Lai Vung và các yêu cầu khởi kiện của chị T thuộc T quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa lần thứ hai, bị đơn Phạm Quang T đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định nhưng anh T cố tình vắng mặt không có lý do, nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt đối với bị đơn, theo quy định tại Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

Về hôn nhân: Chị T và anh T kết hôn vào năm 2012, đến ngày 18/7/2012 đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Long Thắng, huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp. Đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ, tuy nhiên quá trình chung sống giữa chị T và anh T phát sinh mâu thuẫn từ năm 2017 và đã ly thân từ đó đến nay, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt. Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn giữa vợ chồng chị T và anh T là trầm trọng, hôn nhân không hạnh phúc, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T là có căn cứ, theo quy định tại Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình quy định: “Khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không thành thì Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm

ng nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được”.

Về con chung: Hội đồng xét xử xét thấy, chị T đang nuôi dưỡng các con Phạm Lê H Trâm A và Phạm Lê H, chị T yêu cầu được tiếp tục nuôi các con, trong các Tờ tường trình ngày 10/01/2022, các cháu Trâm Anh và Lê Huỳnh có nguyện vọng được sống với chị T. Hội đồng xét xử xét thấy, chị T nuôi con từ khi vợ chồng ly thân đến nay nên giao các con cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp các Điều 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử xét thấy chấp nhận yêu cầu này.

Về cấp dưỡng: Hội đồng xét xử xét yêu cầu của chị Lê Thị Huyền Tyêu cầu anh Phạm Quang T cấp dưỡng nuôi các con, mỗi con mỗi tháng bằng ½ tháng lương cơ sở, theo từng thời điểm cấp dưỡng, thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 6/2022 cho đến khi các con đủ 18 tuổi là có cơ sở, bởi lẽ: Anh T không trực tiếp nuôi các con và xét nguyện vọng của các cháu Trâm Anh và Lê Huỳnh có yêu cầu anh T cấp dưỡng nên Hội đồng xét xử buộc anh T phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi các con theo Điều 82, Điều 110, Điều 116 và Điều 117 của Luật hôn nhân và gia đình là phù hợp quy định pháp luật.

Về tài sản chung: Chị T không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về nợ chung: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Đối với bị đơn Phạm Quang T kể từ khi thụ lý vụ án đến khi mở phiên tòa, Tòa án đã tiến hành tổng đạt đầy đủ các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật nhưng anh T vắng mặt và cũng không cung cấp tài liệu, chứng cứ hay văn bản nào phản bác về việc yêu cầu của nguyên đơn. Điều đó thể hiện bị đơn đã từ bỏ quyền phản bác, từ bỏ nghĩa vụ chứng minh về việc yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Về án phí: Nguyên đơn Lê Thị Huyền T phải chịu án phí dân sự sơ T trong vụ án hôn nhân gia đình về ly hôn; bị đơn Phạm Quang T phải chịu án phí dân sự sơ T trong vụ án hôn nhân gia đình về cấp dưỡng nuôi con theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 110, Điều 116 và Điều 117 của Luật hôn nhân và gia đình;

Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

1. Về hôn nhân: Chị Lê Thị Huyền Tđược ly hôn với anh Phạm Quang T.

2. Về con chung: Chị Lê Thị Huyền Tđược quyền nuôi dưỡng các con là Phạm Lê H Trâm A, sinh ngày: 26/07/2012 và Phạm Lê H, sinh ngày: 07/12/2014.

3. Về cấp dưỡng: Buộc anh Phạm Quang Tcó nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi các con: Phạm Lê H Trâm A, sinh ngày: 26/07/2012 và Phạm Lê H, sinh ngày: 07/12/2014, mỗi con mỗi tháng bằng ½ tháng lương cơ sở, theo từng thời điểm cấp dưỡng, thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 6/2022 cho đến khi Phạm Lê H Trâm A và Phạm Lê H đủ 18 tuổi.

Chị Lê Thị Huyền Tcùng các thành viên trong gia đình không được cản trở anh Phạm Quang Ttrong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

4. Về án phí và tạm ứng án phí:

Chị Lê Thị Huyền Tphải chịu án phí dân sự sơ T trong vụ án hôn nhân gia đình về ly hôn 300.000đ (ba trăm nghìn đồng). Được khấu trừ 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005952, ngày 17/02/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp.

Anh Phạm Quang Tphải chịu án phí dân sự sơ T trong vụ án hôn nhân gia đình về cấp dưỡng nuôi con 300.000đ (ba trăm nghìn đồng).

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (30/5/2022). Đối với bị đơn không có mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo 15 ngày, tính từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ T
T PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TỌA

Nơi nhận:

- TAND tỉnh ĐT;
- VKSND huyện LVg;
- CCTHADS huyện LVg;
- UBND xã Long Thắng;
- Các đương sự;
- Lưu HS, AV.